TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2026/DS-PT
Ngày: 27 - 01 - 2026
V/v:Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Chi

Các thẩm phán: Bà Đặng Thị Ánh Bình

Bà Phạm Thị Hồng Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2026, tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 564/2025/TLPT-DS ngày 18 tháng 11 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản tài sản"

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 48/2025/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Vĩnh Long bị kháng cáo

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 694/2025/QĐPT-DS ngày 04 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: ông Phan Văn N, sinh năm 1988.

Địa chỉ: số B, ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre (nay là số B, ấp T, xã H, tỉnh Vĩnh Long)

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn gồm:

- Anh Phan Tuấn A, sinh năm 1998

Địa chỉ: 35/55, ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là số C ấp L, xã V, tỉnh Vĩnh Long), có mặt.

- Anh Đỗ Hiệp P, sinh năm 1995.

Địa chỉ: số A, ấp C, xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre (nay là số A, ấp C, xã S, tỉnh Vĩnh Long), vắng mặt.

- *Bị đơn*: bà Hồ Thị N1, sinh năm 1971.

Địa chỉ: số A, ấp G, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre (nay là số A, ấp G, xã H, tỉnh Vĩnh Long), có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1966.

Địa chỉ: số A, ấp G, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre (nay là số A, ấp G, xã H, tỉnh Vĩnh Long), có mặt.

Người kháng cáo: bị đơn Hồ Thị N1

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 31/12/2024 của nguyên đơn Phan Văn N và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 02/7/2023 ông N cho bà N1 vay số tiền 60.000.000 đồng, giao tiền tại nhà của mẹ bà N1, ông giao tiền trực tiếp cho bà N1 nhận, tiền mệnh giá 500.000 đồng tổng cộng 03 xấp tiền, mỗi xấp 20.000.000 đồng. Sau khi bà N1 kiểm tra tiền xong thì hai bên ký vào hợp đồng vay tiền. Lúc đầu hai bên thỏa thuận lãi suất 5%/tháng. Tuy nhiên, sau đó hai bên thỏa thuận nếu bà N1 chuyển nhượng được đất và trả tiền nhanh thì bà N1 trả lãi bao nhiêu thì trả, không nói cụ thể. Thế nhưng từ khi vay tiền đến nay bà N1 không trả lãi và không trả vốn cho ông. Thời hạn vay là 01 tháng kể từ ngày cho vay, hết thời hạn 01 tháng ông N có gọi điện thoại trực tiếp cho bà N1 đòi tiền thì bà N1 nói chưa chuyển nhượng được đất nên chưa có tiền trả và hứa sẽ trả sớm nhất cho ông. Cách nay 01 năm, ông đến nhà bà N1 tại ấp R, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre có gặp ông T là chồng bà N1, ông có trình bày sự việc cho ông T nghe, ông T hứa 01 tháng nữa sẽ trả số tiền này nhưng sau đó ông T nói không đồng ý trả có gì thì tìm bà N1.

Do đó, ông N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà N1 và ông T có nghĩa vụ liên đới trả cho ông số tiền vay là 60.000.000 đồng và tiền lãi 1.66%/tháng tính từ ngày 02/7/2023 đến khi giải quyết xong vụ án. Lãi suất tạm tính từ ngày 02/7/2023 đến ngày 02/12/2024 là 17 tháng là 60.000.000 đồng x 1.66%/tháng x 17 tháng = 16.932.000 đồng.

Lý do ông N yêu cầu ông T có nghĩa vụ liên đới với bà N1 trả tiền cho ông là vì ông T và bà N1 là vợ chồng. Khi bà N1 vay tiền của ông N, bà N1 có gọi điện thoại trao đổi với ông T, ông T đồng ý và ông T có nói chuyện qua điện thoại với ông N và hứa là sẽ trả tiền sớm. Sau đó khi ông N đến nhà đòi tiền thì ông T vẫn cam kết trả.

** Tại biên bản lấy lời khai của bà Hồ Thị N1 và trong quá trình giải quyết vụ án, bà N1 trình bày:*

Do quen biết nên vào khoảng năm 2023, bà có vay của ông N 20.000.000 đồng, mục đích để chăm lo cho mẹ của bà, không có nói thời hạn trả chỉ nói khi nào bà có tiền thì trả. Khi vay tiền, ông N có viết giấy cho vay và bà có ký tên vào giấy này, cho vay bạc 15 tức mỗi tháng bà phải đóng cho ông N 3.000.000 đồng tiền lãi. Bà đã đóng lãi cho ông N từ khi vay đến tháng 02/2024 thì không đóng nữa do không có khả năng. Vài tháng sau, ông N có đến nhà bà, bà có thỏa thuận với ông N xin trả vốn, không trả lãi, hàng tháng bà sẽ trả cho ông N số tiền là 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Ông N kêu bà ký tên vào giấy rồi cho bà trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng, bà tin lời nên đã ký vào tờ giấy của ông N đưa và không có đọc lại nội dung. Chữ ký và chữ viết trong Hợp đồng vay ông N làm căn cứ khởi kiện là do bà ký và viết ra. Bà và ông Nguyễn Văn T là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn. Số nợ này là bà vay, không liên quan đến ông T.

** Tại biên bản lấy lời khai của đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T trình bày:*

Ông là chồng hợp pháp của bà Hồ Thị N1. Khi bà N1 mượn tiền của ông N thì ông không biết. Ông cũng không biết ông N là ai. Cách nay hơn 01 năm, phía ông N có đến nhà của ông bà gặp ông và nói là bà N1 nợ tiền nhưng lúc này bà N1 đi làm không có ở nhà. Hai người này có nói là bà N1 nợ N nhưng không nói là nợ số tiền bao nhiêu. Ông cũng không quen biết và biết tên 02 người này. Lúc này ông có nói là chờ gặp bà N1 và hai người này ra về. Từ đó đến nay ông không có gặp người tên N.

Cách nay khoảng 01 tháng ông có gọi cho ông N hỏi tại sao vay số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) nhưng ông N khởi kiện yêu cầu trả số tiền 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng) thì ông N cho biết là do cộng lãi vào số tiền gốc 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng). Tuy nhiên, ông không có ghi âm cuộc gọi này. Sau này bà N1 có nói với ông là mượn 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) để chăm lo nuôi mẹ của bà N1. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông N yêu cầu ông có nghĩa vụ liên đới với bà N1 trả số tiền gốc là 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng) và tiền lãi thì ông không đồng ý. Ông chỉ đồng ý cùng bà N1 liên đới trả cho ông N số tiền vay là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) và tiền lãi theo quy định.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Ông A trình bày ông N thay đổi yêu cầu khởi kiện, ông N đồng ý trừ số tiền 15.500.000 đồng (mười lăm triệu năm trăm nghìn đồng) mà bà N1 đã chuyển khoản cho ông N vào năm 2023-2024 vào tiền gốc và tiền lãi theo quy định. Đối với việc bà N1 cho rằng bà có chuyển số tiền 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) cho ông N vào năm 2025, mặc dù bà N1 không có chứng cứ chứng minh nhưng để nhanh chóng giải quyết dứt điểm vụ án, ông N vẫn đồng ý trừ số tiền này vào tiền lãi. Như vậy, sau khi trừ số tiền nêu trên thì số tiền vay và lãi còn lại là số tiền ông N yêu cầu bà N1 và ông T có nghĩa vụ liên đới trả cho ông.

Bà N1 trình bày ngoài những lần bà chuyển tiền đóng lãi cho ông N vào năm 2023 đến năm 2024 theo sao kê của Ngân hàng thì vào năm 2025 bà có 02 lần chuyển tiền cho ông N với tổng số tiền là 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng), mỗi lần chuyển là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). Bà chuyển số tiền này cho ông N tại cửa hàng ở tỉnh Tiền Giang. Tuy nhiên, bà không biết tên và địa chỉ của cửa hàng này. Bà thừa nhận bà có ký tên, ghi rõ họ tên và điểm chỉ vào Hợp đồng vay tiền ngày 02/7/2023 mà ông N làm căn cứ khởi kiện nhưng bà không có đọc lại nội dung Hợp đồng này. Bà đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, bà chỉ vay của ông N số tiền là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

Ông T trình bày ông đồng ý cùng bà N1 có nghĩa vụ liên đới trả tiền cho ông N. Tuy nhiên, bà N1 chỉ vay của ông N số tiền là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng). Ông đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lý do tại sao bà N1 vay ông N số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) mà ông N khởi kiện số tiền 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng). Từ ngày vay là ngày 02/7/2023 đến ngày đóng lãi đầu tiên (ngày 30/7/2023) bà N1 chuyển cho ông N số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) tức là 15% của số tiền vay 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) nên lời trình bày của bà N1 vay số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) là có cơ sở.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 169/2025/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Toà án nhân dân khu vực 7 - Vĩnh Long đã xử: buộc bà Hồ Thị N1 và ông Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Phan Văn N số tiền 63.211.594 đồng, trong đó tiền vay là 50.271.203 đồng và tiền lãi là 12.940.391 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm, quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ chậm thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án, thời hiệu thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

* Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06/10/2025 bà Hồ Thị N1 kháng cáo, bà chỉ đồng ý trả cho ông N số tiền vay gốc 20.000.000đồng và trả lãi theo quy định.

* Tại phiên tòa phúc thẩm: bà N1 và ông T chỉ đồng ý trả cho ông N 20.000.000 đồng tiền gốc và chịu lãi theo quy định pháp luật; người đại diện hợp pháp của ông N không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, đề nghị y án sơ thẩm.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của bà N1, giữ nguyên bản án sơ thẩm, bà N1 phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ngày 19 tháng 9 năm 2025 Tòa án nhân dân khu vực 7- Vĩnh Long tuyên án sơ thẩm đến ngày 06 tháng 10 năm 2025 bà N1 có đơn kháng cáo là còn trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Giữa ông Phan Văn N với bà Hồ Thị N1 xác lập giao dịch vay tài sản là có thật, thể hiện tại Hợp đồng vay tiền lập ngày 02/7/2023 (bút lục số 70) giữa bên cho vay là ông Phan Văn N với bên vay là bà Hồ Thị N1. Theo đó, ông N cho bà N1 vay 60.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng tính từ 02/7/2023 đến 02/8/2023, phương thức thang toán bằng tiền mặt, lãi suất theo mức cao nhất của Ngân hàng N2 quy định, tiền lãi được trả vào ngày 02 hàng tháng.

[2.2] Xét kháng cáo của bà N1, cho rằng bà chỉ nhận của ông N 20.000.000 đồng tiền gốc nên chỉ chấp nhận trả cho ông N 20.000.000 đồng tiền gốc và trả lãi trên số tiền này theo quy định pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy, bà N1 thừa nhận bà có ký tên và điểm chỉ trên hợp đồng vay ngày 02/7/2023 có nội dung bà N1 vay của ông N số tiền 60.000.000 đồng. Bà N1 cho rằng thực chất bà chỉ nhận của ông N 20.000.000 đồng chứ không nhận đủ 60.000.000 đồng như ông N trình bày, song bà không xuất trình được chứng cứ để chứng minh.

Tại sổ phụ (sao kê) tài khoản ngân hàng của ông N (bút lục 106 – 120) do Ngân hàng N3 chi nhánh huyện G cung cấp thể hiện: từ 30/7/2023 đến 09/01/2024 bà N1 chuyển khoản cho ông N 05 lần tổng số tiền là 15.500.000 đồng nhưng không ghi cụ thể trả tiền gốc hay lãi. Ngoài ra, người đại diện hợp pháp của ông N và bà N1 còn thống nhất trong năm 2025 bà N1 có trả thêm cho ông N 4.000.000 đồng tiền lãi. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã cấn trừ số tiền bà N1 chuyển trả cho ông N tổng cộng bằng 19.500.000 đồng vào tiền nợ gốc và nợ lãi của bà N1 đối với ông N là có căn cứ, phù hợp Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Bà N1 kháng cáo nhưng không xuất trình được chứng cứ để chứng minh bà không nhận đủ 60.000.000 đồng mà chỉ nhận được 20.000.000 đồng từ ông N nên kháng cáo không được chấp nhận.

[3] Án phí phúc thẩm: Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo nên bà N1 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí phúc thẩm.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Hồ Thị N1

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 48/2025/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Vĩnh Long

Áp dụng các điều 375, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; các điều 26, 27, 28, 29 Nghị quyết số 326/2026/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2026 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Văn N: buộc bà Hồ Thị N1 và ông Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Phan Văn N số tiền 63.211.594 đồng (sáu mươi ba triệu hai trăm mười một nghìn năm chín mươi bốn đồng), trong đó tiền vay gốc là 50.271.203 đồng (năm mươi triệu hai trăm bảy mươi mốt nghìn hai trăm lẻ ba đồng) và tiền lãi là 12.940.391 đồng (mười hai triệu chín trăm bốn mươi nghìn ba trăm chín mươi mốt đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí phúc thẩm: buộc bà Hồ Thị N1 chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng nộp ngày 06/10/2025 theo biên lai thu số 0004167 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Bà N1 đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

3. Các phần khác của bản án sơ thẩm như: án phí sơ thẩm không có kháng cáo, không có kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không đặt ra giải quyết lại, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND khu vực 7 - VL;
- Phòng THADS kv 7 - VL;
- Đương sự; Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Chi